

Bước nhảy vọt lịch sử mở đầu thể chế nhà nước pháp quyền của dân tộc, do dân tộc và vì dân tộc Việt Nam

NGND, PGS LÊ MẬU HÂN*

1. Việt Nam là một quốc gia dân tộc có hơn ngàn năm văn hiến. Quá trình dựng nước và giữ nước đã hun đúc và phát triển ngày càng sâu sắc ý thức về độc lập, chủ quyền đất nước và khát vọng tự do. Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: nhờ ý chí độc lập và lòng khát khao tự do hơn là nhờ quân đông sức mạnh, nước Nam ta đã thắng các đội xâm lược phong kiến đông mạnh trong lịch sử. Đó là nội dung cốt lõi của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Song động lực của chủ nghĩa dân tộc vĩ đại đó không phải bất cứ lúc nào cũng có thể khơi dậy và phát động mạnh mẽ được.

Vào giữa thế kỷ XIX, chế độ phong kiến Việt Nam đã suy thoái đến cực điểm. Lợi dụng lá cờ tự do và bình đẳng, đế quốc Pháp đã xâm lược, biến Việt Nam thành một thuộc địa của chúng. Dưới ách thống trị hà khắc và tàn bạo của thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam mất hết quyền độc lập, tự do.

Vào đầu thập kỷ thứ hai của thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nhận lấy trách nhiệm lịch

sử suy tìm một giải pháp, một con đường giải phóng dân tộc phù hợp với nhu cầu tiến hoá của dân tộc theo xu thế phát triển tiến bộ của nhân loại. Người đã nghiên cứu, tiếp biến và phát triển biện chứng giá trị tư tưởng văn hoá truyền thống trong đó cốt lõi là chủ nghĩa dân tộc, ý chí độc lập và khát vọng tự do của tổ tiên ta, tinh hoa văn hoá phương Đông và phương Tây, đặc biệt là học thuyết cách mạng Mác - Lênin, đã xây dựng được một hệ thống quan điểm toàn diện và sáng tạo về giải phóng dân tộc, giành lại độc lập, tự do và tạo lập một thể chế quyền lực của "quần chúng số nhiều" cho dân tộc Việt Nam. Hệ thống quan điểm đó có ý nghĩa như một học thuyết cách mạng giải phóng dân tộc, vì độc lập tự do của Hồ Chí Minh.

Tháng 6-1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước sống ở Pháp, Hồ Chí Minh đã gửi đến Hội nghị hoà bình ở Vécxai bản yêu sách trong có yêu cầu đòi cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được những đảm bảo về mặt pháp luật như người Âu châu, và phải thay đổi chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các

* Đại học quốc gia Hà Nội

đạo luật. Đó là tư tưởng đầu tiên về “*thần linh pháp quyền*” của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Từ định hướng tư tưởng pháp quyền đầu tiên đó, Hồ Chí Minh đã tiếp tục phát triển trên cơ sở thực tiễn của cuộc đấu tranh dân tộc phù hợp với xu thế của cách mạng trên thế giới, từng bước đề ra chủ trương và tạo lập một nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

Cuối tháng 1-1941, Hồ Chí Minh đã về nước trực tiếp tổ chức và lãnh đạo cuộc đấu tranh chống Pháp - Nhật của nhân dân Việt Nam. Năm vũng và giương cao ngọn cờ độc lập tự do được xác định trong cương lĩnh đầu tiên của Đảng, HNTƯ 8 tháng 5-1941 do Người chủ trì đã quyết định *thay đổi chiến lược cách mạng*, khẳng định cách mạng Đông Dương lúc bấy giờ là một cuộc “*cách mạng dân tộc giải phóng*”. Nhiệm vụ đánh Pháp - Nhật không phải là nhiệm vụ riêng của giai cấp công nhân, nông dân mà là nhiệm vụ chung của toàn thể nhân dân. Lúc này không phân biệt công nhân, nông dân, phú nông, địa chủ, tư sản bản xứ; ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất vào mặt trận chung, đem tiềm lực dân tộc để giành quyền độc lập, tự do. Mặt trận ấy là Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Việt Minh. Chương trình cứu nước của Việt Minh nhằm thực hiện hai điều cốt yếu mà toàn thể đồng bào ta đang mong ước là: *làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; dân tộc Việt Nam được sung sướng tự do*. Sau khi đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ “*thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần dân chủ*”. Chính phủ nước Việt Nam mới theo thể chế cộng hoà dân chủ chứ không phải là chính phủ Xô viết công nông binh như đã đề ra năm 1930. “*Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung của toàn thể dân tộc...*”¹. Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (DCCH) lấy lá cờ đỏ ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh làm lá cờ toàn quốc và do *Quốc dân đại hội cử lên*.

Chủ trương thay đổi chiến lược của HNTƯ 8 (5-1941) dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Hồ Chí Minh có ý nghĩa quyết định đến chiều hướng phát triển thắng lợi của cuộc vận động giải phóng dân tộc từ 1941 đến 1945.

Tháng 10-1944, trong bối cảnh chiến tranh thế giới sắp bước vào giai đoạn kết thúc, thắng lợi sẽ thuộc về các lực lượng dân chủ chống phát xít, Hồ Chí Minh đã gửi thư cho quốc dân đồng bào thông báo chủ trương triệu tập *Đại hội đại biểu quốc dân* để bầu ra một cơ cấu đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân Việt Nam trước vận hội mới của đất nước. Người chỉ rõ: “*Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tin, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang (TG nhấn mạnh)*”².

Từ tháng 3-1945 trở đi, một cao trào kháng Nhật cứu nước đã phát động mạnh mẽ trong toàn quốc. Cuộc khởi nghĩa từng phần đã diễn ra thắng lợi ở nhiều địa phương. Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị tổ chức *Ủy ban dân tộc giải phóng* là hình thức tiền chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giành chính quyền cách mạng. Trong các vùng giải phóng, các căn cứ địa cách mạng thì tổ chức *Ủy ban nhân dân cách mạng* do dân dùng phổ thông đầu phiếu hay do đại biểu hội nghị các giới bầu lên.

Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ họp từ ngày 15 đến 20-4-1945 cũng thảo luận và đề nghị triệu tập một cuộc đại biểu đại hội của các giới, các đảng phái, các thân sĩ toàn quốc để thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam và tiến tới thành lập Chính phủ lâm thời. Điều này đã thể hiện rõ tư tưởng và chủ trương tổ chức Quốc dân Đại hội của Hồ Chí Minh có tầm quan trọng đặc biệt, được sự nhất trí của Đảng và của Mặt trận Việt Minh.

Đến giữa tháng 8-1945, cao trào kháng Nhật cứu nước đã phát triển đến đỉnh cao. Quân đội phát xít Nhật bị quân Đồng minh đánh bại. Vua Nhật tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Quân Nhật ở Đông

Dương rệu rã. Chính phủ Trần Trọng Kim tê liệt. Thời cơ Tổng khởi nghĩa đã chín muồi, song tình thế cũng rất khẩn cấp. Quân Đông minh sắp kéo vào và thực dân Pháp cũng ráo riết trở lại xâm lược Đông Dương...

Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng đã kịp thời họp và quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước, xác lập địa vị làm chủ nước nhà của nhân dân Việt Nam trước khi quân Đông minh vào Đông Dương giải giáp quân đội Nhật. Ủy ban khởi nghĩa đã ra Quân lệnh cho quân dân toàn quốc phải đứng lên đem sức ta mà giải phóng cho ta, phải giành lại cho được quyền độc lập tự do và phải hành động cho kịp thời cơ với một tinh thần anh dũng, quả cảm.

Khởi nghĩa giành lại độc lập tự do là sự nghiệp của dân tộc và do dân tộc đồng tâm nhất trí thực hiện một cách kịp thời cơ, không thể chậm trễ bỏ lỡ cơ hội. Vì vậy ngay sau khi Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng bế mạc, Hồ Chí Minh và Tổng bộ Việt Minh quyết định khai mạc ngay Đại hội đại biểu quốc dân. Đại hội họp ở đình Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang từ chiều 16 đến 17-8-1945. Đại hội đã nhất trí với chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa của Đảng và Tổng bộ Việt Minh, thông qua Mười chính sách lớn về đối nội và đối ngoại trong đó điểm đầu tiên là *"phải giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập"* và thành lập *Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam* gồm 15 thành viên do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Trần Huy Liệu làm Phó chủ tịch. Ủy ban có tính chất như Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam mới có nhiệm vụ thay mặt quốc dân mà giao thiệp với nước ngoài và chủ trì mọi công việc trong nước.

Tổ chức thắng lợi *Quốc dân Đại hội Tân Trào* để quyết định chuyển xoay vận nước bằng cuộc Tổng khởi nghĩa, thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng có tính chất như một chính phủ lâm thời của nước Việt Nam DCCH là một điển hình thành công sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc tổ chức

xây dựng cơ sở đầu tiên cho chế độ DCCH Việt Nam, một tiến bộ rất lớn trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc ta từ ngót một thế kỷ nay.

Quốc dân Đại hội mang tầm vóc lịch sử như một Quốc hội nước Việt Nam DCCH ra đời trong đêm trước cuộc Tổng khởi nghĩa. Đây là một sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc kết hợp sức mạnh cách mạng và tính hợp pháp ngay trong những ngày đầu khởi nghĩa để giành và giữ chính quyền dân chủ của chung cả dân tộc Việt Nam.

2. Cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong cả nước. Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban dân tộc giải phóng tự cải tổ, mời thêm một số trí thức nhân sĩ tham gia lập thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam DCCH do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch (28-8-1945). Đây là một *Chính phủ quốc gia thống nhất*, giữ trọng trách chỉ đạo quốc dân, đợi ngày triệu tập Quốc hội để cử ra một Chính phủ cộng hoà chính thức.

Ngày 30-8-1945, tại thành phố Huế, trước hàng vạn quân chúng đến dự, phái đoàn Chính phủ Trung ương do đồng chí Trần Huy Liệu - Bộ trưởng Bộ thông tin tuyên truyền làm Trưởng đoàn, thay mặt Chính phủ chấp nhận tuyên cáo thoái vị của Hoàng đế Bảo Đại để Chính phủ DCCH điều khiển quốc dân; triệt để ủng hộ Chính phủ giữ vững nền độc lập nước nhà; giao nộp ấn, kiếm cho phái đoàn để từ nay trở đi được làm dân tự do của một nước độc lập. Sự thoái vị của Bảo Đại có ý nghĩa là đã *"hợp pháp hoá", theo một số truyền thống ngày nay đã được thừa nhận trên thế giới, chính quyền cách mạng đã được thừa nhận, hợp pháp hoá một cách vẻ vang...*¹³

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ long trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố về quyền dân tộc của các nước trên thế giới là bất khả xâm phạm. Đó là *"tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"*¹⁴.

Các nguyên tắc dân tộc, bình đẳng đã được các nước Đông minh công nhận ở các Hội nghị Têhêrăng

và Cựu Kim Sơn quyết không thể không nhận quyền độc lập của dân Việt Nam. Dân tộc Việt Nam phải được tự do! Dân tộc Việt Nam phải được độc lập!

Chính vì lẽ đó, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam DCCH trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập"⁵.

Quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam được khẳng định trong Tuyên ngôn độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh công bố ngày 2-9-1945 đã đặt cơ sở pháp lý quan trọng ngay từ ngày đầu khai sinh nước Việt Nam DCCH.

Việt Nam đã thành một nước độc lập và tự do. Chính phủ lâm thời nước Việt Nam DCCH mới thành lập là cơ quan điều hành nhà nước cao nhất giữ trọng trách lịch sử, chỉ đạo toàn dân thực thi ngay các nhiệm vụ cấp bách về nội trị, ngoại giao, về quân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội, đợi đến ngày bầu Quốc hội - cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Việt Nam DCCH để cử ra một Chính phủ chính thức, hợp pháp, hợp hiến. Việc quy định Hiến pháp, thành lập Chính phủ chính thức là một trong những nhiệm vụ hàng đầu để củng cố và tăng cường chính quyền của nhân dân, cho nên ngay ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ dưới chế độ chuyên chế của thực dân và phong kiến "... nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc **TỔNG TUYỂN CỬ** với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống (TG nhấn mạnh)"⁶. Đề nghị đó có giá trị lịch sử như một "Tuyên bố lập hiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 8-9-1945, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 14/SL quy định sẽ mở cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội. Sắc lệnh cũng quy định Quốc hội có toàn

quyền ấn định Hiến pháp cho nước Việt Nam DCCH. Một Ủy ban dự thảo Hiến pháp gồm 7 thành viên do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban đã được thành lập theo Sắc lệnh số 34/SL ngày 20-9-1945. Ngày 17-10-1945, Chính phủ đã ký Sắc lệnh số 51/SL quy định Tổng tuyển cử bằng phổ thông đầu phiếu. Đây là những sắc lệnh quan trọng đầu tiên về xây dựng quyền làm chủ của công dân Việt Nam đối với vận mệnh đất nước qua việc bầu cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam DCCH. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rõ: "Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nước nhà.

Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử, hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó.

Vì lẽ đó, cho nên Tổng tuyển cử tức là tự do, bình đẳng, tức là dân chủ, đoàn kết"⁷. Cuộc chuẩn bị Tổng tuyển cử diễn ra rất khẩn trương trong điều kiện vừa kháng chiến ở miền Nam, vừa phải giải quyết các nhiệm vụ nội trị, ngoại giao, quân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội trong cả nước. Đây thực sự là một cuộc đấu tranh rất gay go phức tạp. Dựa vào các thế lực của quân đội nước ngoài có mặt trên đất nước ta lúc bấy giờ, các phần tử phản bội Tổ quốc, các tổ chức đối lập nhất là Việt quốc, Việt cách ra sức chống đối Tổng tuyển cử, đưa ra những yêu sách vô lý như đòi chiếm 1/3 số ghế đại biểu trong Quốc hội, đòi giữ các bộ như Bộ tài chính, Bộ quốc phòng, Bộ giáo dục, Bộ thanh niên trong Chính phủ...

Chính phủ đã kiên quyết bác bỏ mọi yêu sách vô lý và chống lại mọi âm mưu phá hoại của Việt quốc và Việt cách, đồng thời kiên trì và khôn khéo nhân nhượng để tạo sự ổn định tình hình cho cuộc Tổng tuyển cử. Đại diện của Việt Minh và Việt quốc, Việt cách đã thương lượng, ký các văn bản ghi nhận tinh thần, nguyên tắc và các biện pháp hợp tác trong đó

có các điểm quan trọng: coi độc lập và đoàn kết trên hết, ủng hộ Tổng tuyển cử, đình chỉ công kích lẫn nhau, mở rộng Chính phủ lâm thời... Chính vì vậy, ngày 1-1-1946, Chính phủ lâm thời tự cải tổ thành Chính phủ liên hiệp lâm thời, mở rộng thêm một số thành viên của Việt quốc, Việt cách. Chính phủ liên hiệp lâm thời gồm có 18 thành viên vẫn do Hồ Chí Minh giữ chức Chủ tịch kiêm ngoại giao, Nguyễn Hải Thần (Việt cách) là Phó Chủ tịch...

Công tác chuẩn bị Tổng tuyển cử được Chính phủ chỉ đạo chặt chẽ từ Trung ương đến các địa phương. Các ban bầu cử ở các làng xã do Ủy ban nhân dân trực tiếp đảm nhận.

Những người có tài, có đức muốn lo việc nước đã ra ứng cử hoặc được quần chúng giới thiệu ra ứng cử. Những người có năng lực hành chính trong các Ủy ban nhân dân, những thân hào, thân sĩ ra ứng cử cùng đứng tên chung *một số quốc gia liên hiệp với những người ứng cử của Việt Minh*.

Cuộc vận động tuyên truyền về bầu cử, ứng cử diễn ra sôi nổi và phong phú khắp cả nước. Các cơ quan thông tin đại chúng, nhất là các báo *Cứu Quốc*, báo *Sự Thật* đã giữ vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn, cổ vũ quần chúng, thông tin về Tổng tuyển cử trong cả nước và đấu tranh phê phán sự xuyên tạc của các lực lượng chính trị đối lập. Đặc biệt, tờ báo *Quốc hội* chỉ ra trong thời kỳ Tổng tuyển cử nhằm mục đích nêu rõ giá trị của cuộc Tổng tuyển cử, giới thiệu khả năng, thành tích và chương trình của những người ứng cử...

Danh sách những người ứng cử ở các tỉnh, thành phố... được công bố công khai để nhân dân tự do lựa chọn.

Ngày 6-1-1946, cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên - Quốc hội lập hiến của nước Việt Nam đã diễn ra trong cả nước, kể cả các vùng đang có chiến sự ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ, ở Tây Nguyên... Ở Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng hàng vạn cử tri đã thực hiện quyền công dân trong ngày lịch sử 6-1-1946, ngày hội dân chủ cao nhất của mọi công dân. Người đi bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội ở phòng bỏ phiếu

đặt tại nhà số 10 phố Hàng Vôi (nay là phố Lý Thái Tổ). Sau đó Người còn đến thăm một số phòng bỏ phiếu ở phố Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Trống, Thụy Khuê, Ô Đông Mác.

Cuộc bầu cử tại các tỉnh không có chiến sự ở miền Bắc và miền Trung diễn ra an toàn, mặc dù một số nơi phải đấu tranh quyết liệt để ngăn chặn sự phá hoại của bọn đối lập cực đoan. Riêng ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, cuộc bầu cử diễn ra vô cùng khó khăn, quyết liệt do sự đánh phá của thực dân Pháp. Nhiều nơi máu của cán bộ chiến sĩ đã đổ trong khi làm nhiệm vụ Tổng tuyển cử, trong đó có đồng chí Nguyễn Văn Tư - Ủy viên Ban quản trị Tổng công đoàn Nam Bộ. Ở Nha Trang, Mỹ Tho, Cần Thơ, Tân An, Tây Nguyên cũng bị quân đội Pháp ném bom, bắn phá làm một số người bị chết và bị thương.

Cuộc vận động Tổng tuyển cử, bầu Quốc hội nước Việt Nam DCCCH năm 1946 thực sự là một cuộc đấu tranh chính trị vô cùng khó khăn và không kém phần quyết liệt, thậm chí đã đổ máu để thực thi quyền dân chủ chính trị của mọi công dân nước Việt Nam độc lập tự do ngay trong những tháng đầu cách mạng mới thành công.

Kết quả cuộc đấu tranh đó đã thành công rực rỡ. Ở 71 tỉnh thành trong cả nước, 89% tổng số cử tri đã đi bầu cử, bầu được 333 đại biểu trong đó 57% đại biểu thuộc các đảng phái yêu nước và cách mạng khác nhau, 43% không đảng phái, 10 đại biểu nữ, 34 đại biểu các dân tộc ít người. Trong cuộc Tổng tuyển cử này mọi công dân Việt Nam đều tự do và bình đẳng thực hiện quyền bầu cử và ứng cử vào Quốc hội. Trong số hàng ngàn người ra ứng cử, nhân dân đã tự mình lựa chọn bầu được 333 đại biểu. Riêng ở Hà Nội cử tri đã chọn được 6 đại biểu trong số 74 người ứng cử. Quốc hội đã hội tụ các đại biểu của cả ba miền Bắc, Trung, Nam, đại diện cho ý chí của dân tộc, có đại diện của các thế hệ người Việt Nam đương thời, đại diện của ĐCS, Đảng dân chủ, của Việt Minh, các ngành, các giới, các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc ít người, các tôn giáo, những nhà tư sản dân tộc, công thương, những nhân sĩ trí thức và cả những người vốn là quan lại

cao cấp của chế độ cũ, cả Vinh Thụy vừa rời bỏ ngai vàng bệ ngọc để được làm dân một nước độc lập.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử dẫn đến kỳ họp thứ nhất của Quốc hội ngày 2-3-1946 là một bước tiến của tổ chức cơ quan Nhà nước cao nhất của Việt Nam. Quốc hội đã bầu ra Ban Thường trực Quốc hội do học giả Nguyễn Văn Tố làm Trưởng ban, thành lập Chính phủ chính thức - Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Tổ chức nhà nước Việt Nam DCCH đã có cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội và cơ quan hành chính cao nhất là Chính phủ, một Nhà nước của dân tộc, do dân tộc và vì dân tộc có đủ tư cách pháp lý và uy tín để thực hiện những nhiệm vụ lịch sử trọng đại của đất nước. Đứng trước tình thế nước nhà đang bị thực dân Pháp xâm lược, Quốc hội đã công nhận Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, một vị Chủ tịch được Quốc hội tôn vinh "xứng đáng với Tổ quốc" và "trao quyền binh" cho Chính phủ tùy theo tình thế để thực hiện nhiệm vụ đưa kháng chiến đến thắng lợi và nước nhà đến độc lập hoàn toàn.

Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất có nhiệm vụ và đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam DCCH, một Hiến pháp dân chủ, khẳng định quyền dân tộc độc lập, thống nhất lãnh thổ, xây dựng thể chế DCCH, một chế độ bảo đảm quyền tự do của mọi công dân không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, đặc biệt ưu đãi đối với đồng bào các dân tộc ít người... như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: "Đây là bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà và cũng là bản Hiến pháp đầu tiên ở Đông Nam Á". Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã được độc lập, dân Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó đã nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các tộc ít người ở Việt Nam và một tinh thần liêm khiết, công bằng của các giai cấp.

Quốc hội đã chuẩn y quyết định uỷ nhiệm cho Chính phủ và Ban thường trực dựa vào các nguyên tắc đã định trong Hiến pháp để ban hành các luật. Với quyết định đó, Quốc hội tiếp tục hoạt động,

gánh vác trách nhiệm mới, làm nhiệm vụ lập hiến và lập pháp phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể Việt Nam lúc bấy giờ.

Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của Việt Nam năm 1946 đã bầu ra Quốc hội cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất. Quốc hội đã cử ra Chính phủ chính thức, ấn định cho Việt Nam một Hiến pháp dân chủ, công bằng của các giai cấp. Thắng lợi đó là một mốc son đánh dấu bước nhảy vọt lịch sử về thể chế dân chủ của nước Việt Nam DCCH. Thắng lợi đó là một minh chứng hùng hồn về giá trị sáng tạo và tinh thực tiễn của tư tưởng Nhà nước pháp quyền của dân tộc, do dân tộc và vì dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, Quốc hội đang phát huy vai trò của cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, của dân tộc và là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, từng bước hoàn thiện xây dựng Nhà nước pháp quyền dân chủ, tăng cường pháp chế, hiệu lực quản lý và giám sát bộ máy Nhà nước. Ngẫm suy về giá trị lý luận và thực tiễn của Quốc hội Việt Nam thời lập chế độ DCCH, Tổng bí thư Nông Đức Mạnh nguyên Chủ tịch Quốc hội đã nói: "Truyền thống yêu nước cách mạng và những kinh nghiệm hoạt động của Quốc hội Khóa I dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh đang tiếp tục khơi nguồn sáng tạo và soi sáng con đường cho Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vươn lên tầm cao mới trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền mang đậm bản sắc Việt Nam và dấu ấn của thời đại"⁶.

1. Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, CTQG, H, 2000, T.7, tr. 114

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, CTQG, H, 1995, T.3, tr. 505

3. Bản án chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam, phần II, NXB Lao động, H, 1997, tr. 102

4. 5. Báo Cứu quốc, số 36, ngày 5-9-1945

6.7. Hồ Chí Minh Toàn tập, CTQG, H, 1995, T.4, tr.1, 4, 8, 133

8. Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1996, CTQG, H, 1994, tr. 7.